

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20/01/2022

V/v ly hôn giữa chị U và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đồng;

2. Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Ngu đơn: Chị Phạm Thu U, sinh năm 1999 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tr, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Vũ Quang H, sinh năm 1997 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, ngu đơn chị Phạm Thu U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Quang H kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2020. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng mỗi người ở một nơi, chị thì đi làm công ty, anh H thì làm ở nhà. Cuộc sống vợ chồng mỗi người một nơi lâu dần dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng không còn hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm và sống ly thân nhau trong suốt một thời gian dài kể từ sau khi kết hôn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Quang H trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian anh và chị U cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của chị U là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy mâu thuẫn, ngu nhân là

do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi nhau. Nay anh xác định cũng không còn tình cảm gì với chị U, chị U đề nghị ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì trước đây anh cũng làm đơn xin ly hôn chị U cũng không đồng ý gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thu U và anh Vũ Quang H.

Về tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa, ngu đơn; bị đơn vắng mặt có lý do theo đúng quy định, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ngu đơn, bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Chị U anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi cưới nhau đảm bảo đúng các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị U anh H đều xác định có phát sinh mâu thuẫn ngu nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay quan điểm của anh H không đồng ý ly hôn, chị U vẫn cương quyết ly hôn với anh H. Căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì xác định hôn nhân giữa chị U anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị U theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] **Về án phí:** Chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 235; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thu U và anh Vũ Quang H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thu U phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị U đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0010411 ngày 13/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LNg;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

